TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K-TỈNH GIA LAI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-02-2022
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thi.
2. Bà Nguyễn Thị Thu Nhi.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Toà án nhân dân Huyện K, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 24/02/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình (HN&GĐ) thụ lý số: 169/2021/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2021 về việc: ***"Ly hôn"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/02/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nông Thị Thu H1**, sinh năm 1984;
Địa chỉ: Thôn Thống Nhất, xã L, Huyện K, tỉnh Gia Lai.
- Bị đơn: Anh **Nguyễn Hải L1**, sinh năm 1975;
Địa chỉ: Thôn Thống Nhất, xã L, Huyện K, tỉnh Gia Lai.

Chị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L1 vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị Nông Thị Thu H1 trình bày: Chị H1 và anh L1 qua thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 28/8/2012 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Trong quá trình chung sống giữa chị và anh L1 đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khác nhau về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không tin tưởng lẫn nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, anh L1 không lo làm ăn và không tôn trọng chị dẫn đến cuộc sống hôn nhân ngày càng căng thẳng, không có hạnh phúc. Từ khoảng đầu năm 2018 mâu thuẫn của vợ chồng chị ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị đã chuyển về nhà mẹ đẻ tại thôn Hợp Thành, xã L, Huyện K sinh sống, vợ chồng không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa. Do mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị H1 yêu cầu Tòa giải quyết cho chị và anh L1 được ly hôn với nhau.

Về con chung: Chị H1 và anh L1 không có con chung nên chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H1 và anh L1 không có tài sản chung và không có nợ chung nên chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Hải L1 trình bày, anh đồng ý ly hôn với chị H1 nhưng anh muốn anh và chị H1 tự giải quyết với nhau về tài sản cho xong, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án Thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập đến tham gia phiên tòa nhưng anh L1 đều cố tình vắng mặt không có lý do.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Trích lục kết hôn mang tên Nông Thị Thu H1 và Nguyễn Hải L1 (bản sao); 01 Sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ Nông Thị Thu H1 (bản sao); 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nông Thị Thu H1 (bản sao); Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 14/01/2022.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị H1 và anh L1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 28/8/2012. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị H1 giao nộp là bản sao Trích lục kết hôn mang tên Nông Thị Thu H1 và Nguyễn Hải L1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nông Thị Thu H1 có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về việc *"Ly hôn"* giữa chị và anh Nguyễn Hải L1 có địa chỉ tại thôn Thống Nhất, xã L, Huyện K, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện K, tỉnh Gia Lai.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Hải L1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; chị Nông Thị Thu H1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị Thu H1 và anh Nguyễn Hải L1 tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 28/8/2012 tại Ủy ban nhân dân xã L, Huyện K, tỉnh Gia Lai theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H1 và anh L1 là hợp pháp.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị Thu H1:

Tại bản tự khai anh L1 đồng ý ly hôn với chị H1. Cả chị H1 và anh L1 đều cho rằng trong quá trình chung sống giữa chị H1 và anh L1 đã phát sinh nhiều mẫu thuẫn do khác nhau về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không còn tiếng nói chung, không còn quan tâm gì đến nhau dẫn đến cuộc sống hôn nhân ngày càng căng thẳng, không có hạnh phúc. Chị H1 và anh L1 đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay, chị H1 đã chuyển về nhà mẹ tại thôn Hợp Thành, xã L để sinh sống. Bên cạnh đó, tại đơn xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 14/01/2022 thể hiện là chị H1 và anh L1 đã không còn chung sống cùng với nhau nữa.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H1 và anh L1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ quy định tại các Điều 51 và Điều 56 của Luật HN&GĐ năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị Thu H1, xử cho chị H1 được ly hôn với anh L1.

[5] Về con chung: Chị Nông Thị Thu H1 và anh Nguyễn Hải L1 không có con chung nên chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nông Thị Thu H1 trình bày chị và anh L1 không có tài sản chung và nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, anh L1 trình bày vợ chồng anh tự bàn bạc giải quyết với nhau về tài sản chung thì anh mới ly hôn với chị H1 và anh L1 cũng không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của anh và chị H1. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[7] Về án phí: Chị H1 là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 93, Điều 94, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị Thu H1.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị Thu H1 được ly hôn với anh Nguyễn Hải L1.

[2] Về án phí: Chị Nông Thị Thu H1 phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H1 đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0003282 ngày 08/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện K, tỉnh Gia Lai. Chị H1 đã nộp đủ án phí.

[3] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND Huyện K;
-Chi cục THADS Huyện K;
-Các đương sự;
-UBND cấp xã nơi ĐKKH;
-Lưu HSVA,VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Ngọc

HỘI ĐỒNG XÉT XƯ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thi **Võ Thị Cảnh** **Bùi Thị Ngọc**